

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính**Quý I năm tài chính 2013**

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Quý I Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		807.439.051.659	846.527.377.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.138.651.771	37.238.046.266
1. Tiền	111	V.01	4.138.651.771	20.138.046.266
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	17.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.077.309.615	5.077.309.615
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.077.309.615	5.077.309.615
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.143.085.021	558.779.274.300
1. Phải thu khách hàng	131		309.377.324.790	368.500.585.233
2. Trả trước cho người bán	132		189.785.439.187	169.139.099.447
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	21.199.129.071	22.358.397.647
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.218.808.027)	(1.218.808.027)
IV. Hàng tồn kho	140		157.385.620.185	140.076.740.804
1. Hàng tồn kho	141	V.04	157.385.620.185	140.076.740.804
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.694.385.067	105.356.006.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		72.075.288.687	69.245.792.857
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		48.619.096.380	36.110.213.298
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.167.338.224.333	2.150.598.056.381
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.923.520.357.794	1.905.925.886.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	724.461.622.606	728.730.582.030
- Nguyên giá	222		789.598.555.687	789.598.555.687
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(65.136.933.081)	(60.867.973.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	442.320.731	1.191.410.987
- Nguyên giá	225		1.274.578.476	2.446.007.047
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(832.257.745)	(1.254.596.060)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	514.847.332	558.037.342
- Nguyên giá	228		1.257.326.288	1.257.326.288
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(742.478.956)	(699.288.946)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.198.101.567.125	1.175.445.856.142

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	238.003.204.204	238.003.204.204
1. Đầu tư vào công ty con	251		209.326.820.000	209.326.820.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.740.000.000	22.740.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6.840.000.000	6.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(903.615.796)	(903.615.796)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.814.662.335	6.668.965.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.752.662.335	6.606.965.676
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		62.000.000	62.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.974.777.275.992	2.997.125.433.521
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.436.977.519.362	2.459.969.995.729
I. Nợ ngắn hạn	310		684.738.557.262	694.186.791.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	292.903.131.271	237.848.506.678
2. Phải trả người bán	312		123.381.024.454	185.008.069.551
3. Người mua trả trước	313		115.747.743.976	117.958.637.237
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	568.265.104	2.207.819.891
5. Phải trả người lao động	315		1.650.639.388	4.409.599.493
6. Chi phí phải trả	316	V.17	43.097.993.466	33.247.847.198
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	105.575.617.695	111.901.550.458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.814.141.908	1.604.761.305
II. Nợ dài hạn	330		1.752.238.962.100	1.765.783.203.918
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		925.157.060.954	934.546.060.954
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	826.690.286.639	830.839.846.639
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		391.614.507	397.296.325
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		537.799.756.630	537.155.437.792
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	537.799.756.630	537.155.437.792
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.202.032.987	72.222.032.987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30.289.648.858	30.289.648.858
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.445.185.906	9.445.185.906
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.886.888.879	75.222.570.041
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2.974.777.275.992	2.997.125.433.521

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2.103.739.050	2.103.739.050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		504.297.458	504.297.458
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 02 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính**Quý I năm tài chính 2013**

Mẫu số B 02A - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**Quý I Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	102.916.546.448	204.552.742.079	102.916.546.448	204.552.742.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	2.941.629.715	389.600.718	2.941.629.715	389.600.718
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	99.974.916.733	204.163.141.361	99.974.916.733	204.163.141.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	81.770.899.892	178.056.161.292	81.770.899.892	178.056.161.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.204.016.841	26.106.980.069	18.204.016.841	26.106.980.069
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	216.037.343	3.882.776.767	216.037.343	3.882.776.767
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	5.087.877.062	126.116.883	5.087.877.062	126.116.883
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.087.877.062</i>	<i>126.116.883</i>	<i>5.087.877.062</i>	<i>126.116.883</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.943.198.895	1.966.297.481	2.943.198.895	1.966.297.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.357.788.670	6.296.986.581	8.357.788.670	6.296.986.581
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		2.031.189.557	21.600.355.891	2.031.189.557	21.600.355.891
11. Thu nhập khác	31		844.124.253	454.832.468	844.124.253	454.832.468
12. Chi phí khác	32		775.871.819	2.012.578.085	775.871.819	2.012.578.085
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		68.252.434	-1.557.745.617	68.252.434	-1.557.745.617
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.099.441.991	20.042.610.274	2.099.441.991	20.042.610.274
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	469.670.153	4.411.964.803	469.670.153	4.411.964.803
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.629.771.838	15.630.645.471	1.629.771.838	15.630.645.471
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		47	447	47	447

Lập, ngày 02 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính**Quý I năm tài chính 2013**

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT**Quý I Năm 2013**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		161.831.675.928	275.850.122.293
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(193.290.383.154)	(186.651.866.872)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.202.962.840)	(5.341.259.191)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(22.163.361.024)	(24.661.935.857)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.845.908.406)	(2.375.997.444)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.039.638.639	26.750.955.645
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.634.869.384)	(62.437.163.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(77.266.170.241)	21.132.854.625
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.949.538.190)	(58.914.471.646)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ dụng cụ nợ của các đơn vị khác	23		(375.000.000)	(510.292.948)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		375.000.000	587.418.648
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		216.037.343	3.392.765.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.733.500.847)	(55.444.580.761)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		142.753.481.728	59.208.255.814
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(91.549.853.235)	(58.194.613.535)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(298.563.900)	(173.731.587)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.788.000)	(665.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		50.900.276.593	839.245.692
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(32.099.394.495)	(33.472.480.444)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.238.046.266	97.397.504.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		5.138.651.771	63.925.024.131

Lập, ngày 02 tháng 05 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 07 ngày 17 tháng 05 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2013.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013 Công ty đã góp vốn thành lập bốn (04) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	51,00	51,00	Xây lắp
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 02 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Giá vốn dự án Xuân Phương, giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
-	Tiền mặt	265.166.989	38.499.992
-	Tiền gửi ngân hàng	3.873.484.782	20.099.546.274
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	17.100.000.000
	Cộng	5.138.651.771	37.238.046.266
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
-	Đầu tư ngắn hạn khác	5.077.309.615	5.077.309.615
	<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>2.077.309.615</i>	<i>2.077.309.615</i>
	Cộng	5.077.309.615	5.077.309.615

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

3 -	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	856.884.000	1.311.884.000
	- Phải thu khác	20.342.245.071	21.046.513.647
	Cộng	21.199.129.071	22.358.397.647

4 -	Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Công cụ, dụng cụ	24.849.854	24.849.854
	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	157.360.770.331	140.051.890.950
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	157.385.620.185	140.076.740.804

Hàng tồn kho chủ yếu:

- + Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp
- + Công cụ dụng cụ tồn kho chủ yếu là vật tư luân chuyển.

5 -	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Thuế GTGT nộp thừa	0	0
	- Các khoản phải thu Nhà nước	0	0
	Cộng	0	0

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

Trong kỳ, công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định.

9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

(Phụ lục 02)

Trong kỳ, công ty mua lại một số tài sản thuê tài chính sau khi kết thúc hợp đồng thuê.

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

11 -	Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	26.979.647.822	26.500.313.208
	- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	9.715.082.710	6.658.988.057
	- Dự án Đường Lê Đức Thọ	352.300.636.193	342.056.386.303

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.894.504.143	8.894.504.143
- Dự án Đơn vị ở số 2	141.573.449.136	135.299.663.288
- Dự án Đơn vị ở số 3	351.331.019.731	350.545.473.383
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	300.662.858.901	298.866.687.080
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.333.256.501	1.324.404.692
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Các dự án khác	203.205.906	191.529.906
Cộng	1.198.101.567.125	1.175.445.856.142

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Đầu tư vào công ty con	209.326.820.000	209.326.820.000
- Đầu tư vào công ty liên kết	22.740.000.000	22.740.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	6.840.000.000	6.840.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-903.615.796	-903.615.796
Cộng	238.003.204.204	238.003.204.204

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:				
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
3. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	5.332.582	53.325.820.000	5.332.582	53.325.820.000
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	15.289.100	152.891.000.000	15.289.100	152.891.000.000
Cộng	20.932.682	209.326.820.000	20.932.682	209.326.820.000
b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết				
1. - Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	13.850.000.000	1.385.000	13.850.000.000
2. - Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

3.	- Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.240.000.000	224.000	2.240.000.000
4.	- Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
5.	- Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
6.	- Công ty CP D - Tech	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
	Cộng	2.274.000	22.740.000.000	2.274.000	22.740.000.000

c) Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư dài hạn khác	684.000	6.840.000.000	684.000	6.840.000.000
Cộng	684.000	6.840.000.000	684.000	6.840.000.000

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/03/2013 của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

14 - Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.752.662.335	6,606,965,676
Cộng	5.752.662.335	6.606.965.676
15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vay ngắn hạn	292.879.152.671	237.525.964.178
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	119.806.078.504	63.747.542.724
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	101.012.650.791	102.723.458.366
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	5.100.000.000	5.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	46.809.798.376	57.529.338.088
+ Vay đối tượng khác	20.150.625.000	8.425.625.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	23.978.600	322.542.500
Cộng	292.903.131.271	237.848.506.678

Trong đó:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐ ngày 27/08/2012, mức dư nợ tối đa là 162.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012 số 01/2012/HĐTD ngày 18/07/2012, mức dư nợ tối đa là 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2013. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 67.12.01/HĐHM/II.20 ngày 14/09/2012, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0008/HĐTDHM-GPBTGL/12 ngày 27 tháng 04 năm 2012 của Hội đồng tín dụng cấp cao Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

16 -	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Thuế giá trị gia tăng	0	69.259.151
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	449.234.140	1.913.767.805
	- Thuế thu nhập cá nhân	119.030.964	224.792.935
	Cộng	568.265.104	2.207.819.891
17 -	Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK22	4.298.801.788	4.355.576.601
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK24	2.846.718.076	1.985.567.673
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK25	3.295.681.786	3.952.375.250
	- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK26	588.959.835	629.459.568
	- Trích trước giá vốn – Dự án Đơn vị ở 3	406.697.661	406.697.661
	- Chi phí lãi trái phiếu HUT2012 trả sau	27.182.252.055	19.316.005.480
	- Chi phí phải trả	4.478.882.265	2.602.164.965
	Cộng	43.097.993.466	33.247.847.198

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Kinh phí công đoàn	424.520.496	571.745.241
- Bảo hiểm xã hội	87.042.809	
- Bảo hiểm y tế	16.320.304	
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.253.551	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	105.040.480.535	111.329.805.217
Cộng	105.575.617.695	111.901.550.458

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a Vay dài hạn	826.690.286.639	830.839.846.639
- Vay ngân hàng	615.910.286.639	620.059.846.639
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	29.265.000.000	29.490.000.000
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	12.177.832.409	13.284.832.409
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	398.121.600.000	402.841.000.000
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD I	175.713.054.230	173.713.054.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	601.700.000	668.600.000
+ NH TMCP Á Châu	31.100.000	62.360.000
- Vay đối tượng khác	51.270.000.000	51.270.000.000
- Trái phiếu phát hành	159.510.000.000	159.510.000.000
Cộng	826.690.286.639	830.839.846.639

Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/H ĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyển đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, thời hạn vay 61 tháng, thời gian ân hạn 34 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

22 - Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tập đoàn PT nhà và đô thị - HUD	45.244.800.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Cộng	349.976.000.000	349.976.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày đầu kỳ	349.976.000.000	349.976.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp tại ngày cuối kỳ	349.976.000.000	349.976.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
đ. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	34.997.600	34.997.600
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	30.289.648.858	30.289.648.858
- Quỹ dự phòng tài chính	9.445.185.906	9.445.185.906
Cộng	39.734.834.764	39.734.834.764

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

25 -	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I- 2013	Quý I – 2012
	- Doanh thu hợp đồng xây dựng	70.486.142.651	106.419.684.855
	- Doanh thu trạm thu phí	17.498.456.364	10.855.086.364
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	14.931.947.433	87.277.970.860
	Cộng	102.916.546.448	204.552.742.079

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

26 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó:

- Giảm giá hàng bán	2.941.629.715	160.262.147
- Hàng bán bị trả lại	0	229.338.571
Cộng	2.941.629.715	389.600.718

27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV

- Doanh thu thuần	99.974.916.733	204.163.141.361
-------------------	----------------	-----------------

28 - Giá vốn hàng bán

	Quý I- 2013	Quý I – 2012
- Giá vốn hoạt động xây lắp	64.670.914.114	100.220.177.582
- Giá vốn trạm thu phí	3.430.389.147	2.537.142.822
- Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	13.669.596.631	75.298.840.888
Cộng	81.770.899.892	178.056.161.292

29 - Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I- 2013	Quý I – 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	216.037.343	3.882.776.767
Cộng	216.037.343	3.882.776.767

30 - Chi phí tài chính

	Quý I- 2013	Quý I – 2012
- Lãi tiền vay	5.087.877.062	126.116.883
Cộng	5.087.877.062	126.116.883

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I- 2013	Quý I – 2012
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	469.670.153	4.411.964.803
Cộng	469.670.153	4.411.964.803

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

3. Thông tin liên quan:

Các giao dịch mua:	Quý I- 2013	Quý I – 2012
Công ty TNHH MTV TASCO 6	2.766.027.214	1.745.908.413
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	8.019.812.359	8.800.885.455
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	21.719.912.519	17.176.448.965
Cộng	32.505.752.092	27.723.242.832

Các giao dịch bán:	Quý I- 2013	Quý I – 2012
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam		327.273
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	226.227.273	184.990.909
Cộng	226.227.273	185.318.182

Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	3.782.760.312	3.782.760.312
Công ty cổ phần Nam Thái	79.200.000	79.200.000
Cộng	3.861.960.312	3.861.960.312

Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	240.022.566	244.800.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	244.800.000	
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	1.999.393.522	1.675.889.492
Cộng	2.484.216.088	1.920.689.492

Các khoản phải trả người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6	236.884.224	52.556.289
Công ty cổ phần Tasco Nam Thái		16.261.290.917
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	164.722.293	164.722.293
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	44.247.338.239	51.385.599.490
Cộng	44.648.944.756	67.864.168.989

Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	11.759.457.750	14.604.997.049

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái

9.524.306.083

Cộng

21.283.763.833

14.604.997.049

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính của kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/03/2012.

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 02 tháng 05 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Thanh

Lê Thị Ngọc

Cao Văn Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	19.968.233.489	1.693.826.855	8.898.687.220	9.169.102.365	749.868.705.758	789.598.555.687
Số dư tại ngày 01/01/2013	19.968.233.489	1.693.826.855	8.898.687.220	9.169.102.365	749.868.705.758	789.598.555.687
Tăng trong kỳ	0	1.172.658.571	0	0	0	1.172.658.571
Mua trong kỳ						
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Tăng khác		1.172.658.571				1 172 658 571
Giảm trong kỳ	0	1.172.658.571	0	0	0	1.172.658.571
Giảm thanh lý, nhượng bán		1.172.658.571				1 172 658 571
Giảm khác						
Số dư tại ngày 31/03/2013	19.968.233.489	1.693.826.855	8.898.687.220	9.169.102.365	749.868.705.758	789.598.555.687
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2013	5.850.077.603	1.207.959.973	4.939.002.246	4.326.638.289	44.544.295.546	60.867.973.657
Tăng trong kỳ	169.763.055	468.544.524	305.873.703	333.637.860	3.430.389.147	4.708.208.289
Khấu hao trong kỳ	169.763.055	29.295.659	305.873.703	333.637.860	3.430.389.147	4.268.959.424
Tăng khác		439.248.865			0	439.248.865
Giảm trong kỳ	0	439.248.865	0	0	0	439.248.865
Giảm thanh lý, nhượng bán		439.248.865				439.248.865
Số dư tại ngày 31/03/2013	6.019.840.658	1.237.255.632	5.244.875.949	4.660.276.149	47.974.684.693	65.136.933.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	14.118.155.886	485.866.882	3.959.684.974	4.842.464.076	705.324.410.212	728.730.582.030
Tại ngày 31/03/2013	13.948.392.831	456.571.223	3.653.811.271	4.508.826.216	701.894.021.065	724.461.622.606

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	1.171.428.571	1.274.578.476	2.446.007.047
Tăng trong kỳ	0	0	0
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	1.171.428.571	0	1.171.428.571
Giảm khác	1.171.428.571		1.171.428.571
Số dư tại ngày 31/03/2013	0	1.274.578.476	1.274.578.476
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	475.487.668	779.108.392	1.254.596.060
Tăng trong kỳ	0	53.149.353	53.149.353
Khấu hao trong kỳ		53.149.353	53.149.353
Tăng khác			0
Giảm trong kỳ	475.487.668	0	475.487.668
Giảm khác	475.487.668		475.487.668
Số dư tại ngày 31/03/2013	0	832.257.745	832.257.745
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	695.940.903	495.470.084	1.191.410.987
Tại ngày 31/03/2013	0	442.320.731	442.320.731

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Nguyên giá TSCĐ vô hình	102.878.251	1.154.448.037	1.257.326.288
Số dư tại ngày 01/01/2013	102 878 251	1 154 448 037	1.257.326.288
Tăng trong kỳ		0	0
Mua trong kỳ			0
Giảm trong kỳ	0		0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 31/03/2013	102.878.251	1.154.448.037	1.257.326.288
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2013	25 760 712	673 528 234	699.288.946
Tăng trong kỳ	1.076.058	42.113.952	43.190.010
Khấu hao kỳ	1 076 058	42 113 952	43.190.010
Giảm trong kỳ	0		0
Giảm khác			0
Số dư tại ngày 31/03/2013	26.836.770	715.642.186	742.478.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	77.117.539	480.919.803	558.037.342
Tại ngày 31/03/2013	76.041.481	438.805.851	514.847.332

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2013

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	349.976.000.000	72.257.032.987	18.579.801.777	6.192.450.606	62.402.706.006	509.407.991.376
Tăng trong năm	0	0	11.709.847.081	3.252.735.300	35.152.463.141	50.115.045.522
Tăng vốn			11.709.847.081	3.252.735.300		14.962.582.381
Lãi					35.152.463.141	35.152.463.141
Giảm trong năm		35.000.000			22.332.599.106	22.367.599.106
Phân phối lợi nhuận					22.305.586.006	22.305.586.006
Giảm khác		35.000.000			27.013.100	62.013.100
Số dư tại ngày 31/12/2012	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Số dư tại ngày 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Tăng trong năm	0	0	0	0	1.629.771.838	1.629.771.838
Tăng vốn						0
Lãi					1.629.771.838	1.629.771.838
Giảm trong năm		20.000.000			965.453.000	985.453.000
Phân phối lợi nhuận					965.453.000	965.453.000
Giảm khác		20.000.000				20.000.000
Số dư tại ngày 31/03/2013	349.976.000.000	72.202.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.886.888.879	537.799.756.630